

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 971/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ đại học của Khoa Luật

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 04 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung trong các chương trình đào tạo trình độ đại học của Khoa Luật (được ban hành kèm theo Quyết định số 3021/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/09/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội) như sau:

1. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật

- Chuyển học phần "Ngoại ngữ pháp lý 1" từ nhóm học phần bắt buộc sang nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành;

- Tăng số tín chỉ nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành từ "02/08 tín chỉ" thành "04/10 tín chỉ".

2. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật kinh doanh

- Chuyển học phần "Ngoại ngữ pháp lý 1" từ nhóm học phần bắt buộc sang nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành;

- Tăng số tín chỉ nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành từ "02/10 tín chỉ" thành "04/12 tín chỉ".



3. Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật thương mại quốc tế

- Chuyển học phần “Ngoại ngữ pháp lí 1” từ nhóm học phần bắt buộc của Khối kiến thức theo nhóm ngành sang nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành;

- Tăng số tín chỉ nhóm học phần tự chọn của Khối kiến thức theo khối ngành từ “02/06 tín chỉ” thành “04/08 tín chỉ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Chủ nhiệm Khoa Luật và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, O8.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Sơn



Số: 971 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

(Kèm QĐ điều chỉnh)
971 ngày 31/3/20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học (điều chỉnh)

**GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/04/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 04 chương trình đào tạo trình độ đại học của Khoa Luật:

1. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Luật;
2. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thu học phí theo chi phí đào tạo và đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngành Luật;
3. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Luật kinh doanh;
4. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Luật thương mại quốc tế.

Điều 2. Các chương trình đào tạo kể trên áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Chủ nhiệm Khoa Luật và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, O8.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Hải

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Ngành đào tạo thí điểm

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật thương mại quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Trade and Business Law
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in International Trade and Business Law
- Đơn vị đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Trang bị cho người học những kiến thức pháp lý nền tảng và kiến thức, tư duy pháp lý mang tính hệ thống về ngành Luật thương mại quốc tế bao gồm cả lĩnh vực thương mại chính sách công giữa các chủ thể là các quốc gia, vùng lãnh thổ thuế quan độc lập và những quan hệ, giao dịch kinh doanh, thương mại mang tính xuyên biên giới giữa các thương nhân của các nước khác nhau. Đồng thời với các kiến thức lý luận, pháp lý nền tảng, kiến thức pháp lý thuộc ngành Luật thương mại quốc tế, chương trình đào tạo còn giúp người học hình thành, đạt được một số kỹ năng pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- Áp dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản

của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hình thành thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn khi tiếp cận và luận giải các vấn đề về Nhà nước và pháp luật nói chung và pháp luật thương mại quốc tế nói riêng. Có kiến thức cơ bản về an ninh quốc phòng và khả năng tự rèn luyện thể chất;

- Vận dụng các kiến thức nền tảng theo lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế học vào việc giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo;

- Vận dụng các kiến thức cơ bản theo khối ngành về lí luận – lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính vào việc giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo;

- Khai thác các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lí theo nhóm ngành về luật dân sự, luật hình sự, luật thương mại, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật tài chính – ngân hàng, luật cạnh tranh, luật kinh doanh quốc tế, luật hàng hải quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc;

- Vận dụng và phát triển các kiến thức chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế như: pháp luật của WTO về thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế; cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO, bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ; hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; hợp đồng vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương; các biện pháp phòng vệ thương mại; pháp luật về thương mại điện tử; pháp luật về nhượng quyền thương mại; trọng tài thương mại quốc tế... để giải quyết các vấn đề pháp lí cụ thể phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế;

- Hình thành tư duy pháp lí có tính hệ thống để nhận biết và giải quyết các vấn đề pháp lí phức tạp trong hoạt động thương mại quốc tế;

- Phát triển kiến thức thực tập, thực tế để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai, có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ và kiến thức tin học trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

- Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lí;

- Tra cứu, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật, thông lệ, tập quán thương mại để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thương mại quốc tế;
- Giải quyết các vấn đề pháp lí phát sinh trong thành lập và quản trị doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài;
- Đàm phán, giao kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận kinh doanh – thương mại quốc tế;
- Giải quyết các tranh chấp kinh doanh – thương mại quốc tế;
- Tư vấn về hoạt động kinh doanh và áp dụng luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế một cách độc lập;
- Giải quyết những vấn đề pháp lí phức tạp trong hoạt động thương mại quốc tế đòi hỏi vận dụng tổng hợp kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành đào tạo, tư duy hệ thống trong nhận thức, đánh giá các vấn đề pháp lí;
- Tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đến pháp luật thương mại quốc tế vào thực tiễn;
- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Giao tiếp, thuyết trình và truyền thông;
- Tra cứu thông tin, tài liệu, soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích, tổng hợp;
- Thích ứng và quản lí sự thay đổi với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động;
- Đánh giá chất lượng kết quả công việc của bản thân và của các thành viên khác khi thực hiện chung một nhiệm vụ công tác;
- Sử dụng ngoại ngữ và ngoại ngữ chuyên ngành trong các công việc liên quan đến ngành đào tạo;
- Sử dụng máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng phục vụ cho công tác chuyên môn.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Chuẩn mực trong lời nói và hành động;
- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;
- Cầu thị trong học tập và lao động;
- Thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác;
- Chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo;

- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ công lí, bản lĩnh, trung thực, khách quan;

- Chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm với công việc được giao;

- Cầu tiến, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tự tôn dân tộc, yêu tổ quốc, yêu đồng bào;

- Ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân;

- Bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Chứng tỏ năng lực dẫn dắt về chuyên môn trong công tác, có thể tự mình đưa ra các kết luận chuyên môn chính xác và bảo vệ các kết luận đó;

- Lập kế hoạch, tổ chức quản lí, điều hành và giám sát việc thực hiện một công việc cụ thể trong thực tiễn; phát huy trí tuệ tập thể trong đơn vị;

- Làm việc độc lập, hợp tác làm việc theo nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic, sáng tạo và chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình;

- Tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị.

5. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuộc mọi lĩnh vực thương mại, kinh doanh quốc tế;

- Nhóm 2: Hành nghề luật sư độc lập hoặc làm việc cho các công ty luật, các trung tâm tư vấn pháp lí trong lĩnh vực đầu tư, thương mại và kinh doanh quốc tế;

- Nhóm 3: Làm việc trong các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc bộ máy nhà nước từ trung ương tới địa phương, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, thương mại quốc tế;

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, thương mại quốc tế và các vấn đề có liên quan;

- Nhóm 5: Nghiên cứu và giảng dạy về pháp luật kinh doanh tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	128 tín chỉ
- Khối kiến thức chung: (Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh)	16 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	08 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	06 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	02/06 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	17 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	13 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	04/08 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	43 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	33 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	10/20 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	44 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	22 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	6/18 tín chỉ
+ Kỹ năng bổ trợ; Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	16 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)		16				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>					
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>	5	20	35	20	
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
8		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		08				
II.1	Các học phần bắt buộc		06				
9	INT1376	Tin học cơ sở (dành cho sinh viên Luật) <i>Introduction to Informatics (for law students)</i>	2	10	20	0	
10	PHI1051	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	2	20	6	4	
11	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Environment and Sustainable Development</i>	2	24	0	6	
II.2	Các học phần tự chọn		02/06				
12	INE1014	Kinh tế học đại cương <i>General Economics</i>	2	20	8	2	
13	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	2	28	2	0	
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Sociology</i>	2	18	6	6	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		17				
III.1	Các học phần bắt buộc		13				
15	THL1054	Lí luận về Nhà nước và Pháp luật <i>Theories of State and Law</i>	3	36	3	6	
16	CAL1007	Luật Hiến pháp <i>Constitutional Law</i>	3	36	3	6	
17	CAL1008	Luật Hành chính <i>Administrative Law</i>	3	36	3	6	CAL1007

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18	INL2217	Lịch sử quan hệ kinh tế quốc tế <i>History of International Economic Relations</i>	2	26	0	4	
19	THL2002	Tư duy pháp lí <i>Legal Reasoning</i>	2	24	0	6	THL1054
III.2 Các học phần tự chọn			04/08				
20	THL2217	Lịch sử Nhà nước và pháp luật <i>History of State and Law</i>	2	26	0	4	
21	CIL2001	Luật La Mã <i>Roman Law</i>	2	26	0	4	
22	CAL2003	Xây dựng văn bản pháp luật <i>Legal Documents Marking</i>	2	18	6	6	CAL1008
23	SOL2126	Ngoại ngữ Pháp Lí 1 <i>Legal Foreign Language 1</i>	2	26	0	4	
IV Khối kiến thức theo nhóm ngành			43				
IV.1 Các học phần bắt buộc			33				
24	INL2216	Tiếng Anh trong thương mại quốc tế <i>English for International Trade and Business</i>	4	16	40	4	
25	CIL2211	Luật Dân sự <i>Civil Law</i>	4	44	8	8	THL1054
26	CIL2116	Luật tố tụng dân sự <i>Civil Procedure Law</i>	2	26	2	2	CIL2211
27	BSL2212	Luật thương mại <i>Commercial Law</i>	3	36	3	6	CIL2211
28	CRL2213	Luật Hình sự và tố tụng hình sự <i>Criminal Law and Criminal Procedure Law</i>	4	44	8	8	THL1054
29	BSL2214	Luật lao động và An sinh xã hội <i>Labour and Social Security Law</i>	3	36	3	6	BSL2212
30	BSL2115	Luật tài chính – Ngân hàng <i>Finance and Banking Law</i>	3	36	3	6	BSL2212
31	BSL2020	Pháp luật về đất đai - môi trường <i>Land and Environment Law</i>	3	36	3	6	CAL1008
32	INL2118	Công pháp quốc tế <i>Public International Law</i>	4	44	8	8	CAL1007
33	INL2006	Tư pháp quốc tế <i>Private International Law</i>	3	33	6	6	CIL2116
IV.2 Các học phần tự chọn			10/20				
34	INL2219	Tổ chức và pháp luật của ASEAN <i>Organization and Law of ASEAN</i>	2	24	2	4	THL1054

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
35	INL2220	Tổ chức và pháp luật của Liên minh châu Âu <i>Organization and Law of European Union</i>	2	24	2	4	THL1054
36	INL2221	Pháp luật Hải quan <i>Custom Law</i>	2	24	2	4	THL1054
37	CIL2222	Luật hợp đồng so sánh <i>Comparative Law in Contracts</i>	2	24	2	4	BSL2212
38	INL2223	Tổ tụng dân sự quốc tế <i>International Civil Procedure Law</i>	2	24	2	4	INL2006
39	CAL3007	Lí luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng <i>Theories and Law on Anti-Corruption</i>	2	24	2	4	
40	INL2008	Các thiết chế tài phán quốc tế <i>International Judicial Institutions</i>	2	24	2	4	INL2118
41	BSL2008	Luật cạnh tranh <i>Competition Law</i>	2	24	0	6	BSL2212
42	INL2225	Luật môi trường quốc tế <i>International Environmental Law</i>	2	24	2	4	INL2118
43	INL2226	Pháp luật về thương mại điện tử <i>Law on E-Commerce</i>	2	24	2	4	BSL2212
V	Khối kiến thức ngành		44				
V.1	Các học phần bắt buộc		22				
44	INL2227	Luật kinh tế quốc tế <i>International Economic Law</i>	3	33	6	6	INL2118
45	INL3003	Luật hàng hải quốc tế <i>International Maritime Law</i>	3	33	6	6	INL2118
46	INL2228	Luật hàng không dân dụng quốc tế <i>International Aviation Law</i>	2	22	4	4	INL2118
47	INL2229	Pháp luật của WTO về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ <i>WTO Regulation on International Trade in Goods and Services</i>	3	33	6	6	INL2118
48	INL2230	Bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ <i>International Protection of Intellectual Property Rights</i>	2	24	2	4	CIL2211

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
49	INL2231	Pháp luật đầu tư quốc tế <i>International Investment Law</i>	2	24	2	4	INL2118
50	INL2232	Hợp đồng thương mại quốc tế <i>International Commercial Contracts</i>	3	33	6	6	INL2006
51	INL2234	Thanh toán quốc tế <i>International Payments</i>	2	24	2	4	INL2118
52	INL2235	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế <i>Dispute Settlement in International Business</i>	2	24	2	4	INL2118
V.2	Các học phần tự chọn		06/18				
53	INL2224	Pháp luật về bắt giữ tàu biển trong hàng hải quốc tế <i>Law on Arrest of Ships in International Maritime Navigation</i>	2	24	2	4	INL3003
54	INL2236	Các biện pháp phòng vệ thương mại <i>Trade Remedies</i>	2	24	2	4	INL2229
55	BSL2237	Luật Công ty so sánh <i>Comparative Law on Companies</i>	2	24	2	4	BSL2212
56	INL2238	Xung đột pháp luật <i>Conflict of Laws</i>	2	24	2	4	INL2006
57	INL2239	Luật của Thương nhân <i>Lex mercatoria</i>	2	24	2	4	BSL2212
58	INL2240	Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế <i>International Investment Dispute Settlement</i>	2	24	2	4	INL2231
59	INL2241	Trọng tài thương mại quốc tế <i>International Commercial Arbitration</i>	2	24	2	4	BSL2212
60	INL2242	Hòa giải thương mại <i>Commercial Mediation</i>	2	24	2	4	BSL2212
61	INL2243	Kỹ năng phân tích và sử dụng án lệ <i>Skills for Case Law</i>	2	18	8	4	BSL2212
V.3	Kỹ năng hỗ trợ; Thực tập, thực tế; Khóa luận tốt nghiệp		16				
62	SOL2130	Kỹ năng hỗ trợ (dành cho sinh viên Luật) <i>Soft skills (for law students)</i>	4	20	40	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
63	SOL4006	Niên luận, thực tập, thực tế <i>Annual Essay, Internship</i>	3				
64	SOL4056	Khóa luận tốt nghiệp <i>Thesis</i>	9				
Tổng cộng			128				

Ghi chú:

- Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy;

- Học phần Ngoại ngữ pháp lí 1 được tổ chức giảng dạy bằng tiếng Anh và tiếng Pháp (sinh viên có thể lựa chọn một trong hai thứ tiếng trên).